

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN ĐỊA LÝ

KHỐI 10 - PHÒNG 8

| STT | SBD | HỌ VÀ TÊN | LỚP | GHI CHÚ |
|-----|--------|------------------------|-------|---------|
| 1 | 100001 | QUAN LÊ HOÀNG AN | 10A1 | |
| 2 | 100002 | NGUYỄN PHÚC CHÂU AN | 10A10 | |
| 3 | 100009 | LẠI HOÀNG MAI ANH | 10A1 | |
| 4 | 100010 | TRẦN XUÂN ANH | 10A1 | |
| 5 | 100011 | NGUYỄN THỊ KIM ANH | 10A10 | |
| 6 | 100012 | LÝ NGỌC BẢO ANH | 10A2 | |
| 7 | 100013 | PHẠM THỊ QUỲNH ANH | 10A2 | |
| 8 | 100029 | ĐINH MINH ANH | 10A9 | |
| 9 | 100030 | NGUYỄN ĐOÀN TUẤN ANH | 10A9 | |
| 10 | 100031 | TRẦN NHỰT VÂN ANH | 10A9 | |
| 11 | 100032 | TRẦN PHƯƠNG ANH | 10A9 | |
| 12 | 100033 | NGUYỄN THỊ HẢI BĂNG | 10A2 | |
| 13 | 100036 | BÙI THIÊN BẢO | 10A2 | |
| 14 | 100041 | TRẦN XUÂN BÌNH | 10A9 | |
| 15 | 100042 | HUỲNH HOÀNG PHƯƠNG CA | 10A10 | |
| 16 | 100045 | PHẠM NGUYỄN MINH CHÁNH | 10A2 | |
| 17 | 100047 | SÂM BẢO CHÂU | 10A9 | |
| 18 | 100048 | TRẦN LÊ BẢO CHÂU | 10A9 | |
| 19 | 100049 | TRẦN KIM CƯỜNG | 10A1 | |
| 20 | 100050 | PHẠM HỮU CƯỜNG | 10A2 | |
| 21 | 100054 | ĐỖ MINH ĐẠT | 10A1 | |
| 22 | 100055 | LÊ TRƯỜNG TIẾN ĐẠT | 10A2 | |
| 23 | 100066 | TRỊNH THANH DIỆU | 10A10 | |
| 24 | 100067 | TRẦN PHAN PHONG DINH | 10A9 | |
| 25 | 100069 | PHAN TRỌNG ĐỨC | 10A1 | |
| 26 | 100074 | BÙI TIẾN DŨNG | 10A2 | |
| 27 | 100076 | ĐINH TẤN DƯƠNG | 10A2 | |

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN ĐỊA LÝ

KHỐI 10 - PHÒNG 9

| STT | SBD | HỌ VÀ TÊN | LỚP | GHI CHÚ |
|-----|--------|------------------------|-------|---------|
| 1 | 100078 | ĐINH NGUYỄN HẢI ĐƯỜNG | 10A2 | |
| 2 | 100079 | NGUYỄN QUỐC DUY | 10A2 | |
| 3 | 100082 | NGUYỄN THÙY DUYÊN | 10A10 | |
| 4 | 100083 | HỒ QUỲNH GIAO | 10A9 | |
| 5 | 100086 | ĐOÀN NGỌC TRÚC HÀ | 10A9 | |
| 6 | 100088 | ĐINH TRẦN SON HẢI | 10A2 | |
| 7 | 100089 | TRẦN PHAN NGỌC GIA HÂN | 10A1 | |
| 8 | 100090 | ĐẶNG NGUYỄN NGỌC HÂN | 10A10 | |
| 9 | 100091 | LÂM GIA HÂN | 10A10 | |
| 10 | 100092 | NGUYỄN GIA HÂN | 10A10 | |
| 11 | 100093 | TRẦN GIA HÂN | 10A10 | |
| 12 | 100094 | TRẦN LÊ GIA HÂN | 10A10 | |
| 13 | 100103 | LƯƠNG NGỌC GIA HÂN | 10A9 | |
| 14 | 100104 | NGUYỄN TRẦN GIA HÂN | 10A9 | |
| 15 | 100106 | NGUYỄN PHƯỚC HẢO | 10A1 | |
| 16 | 100108 | MÃ NGUYỄN ÂU HIỂU | 10A2 | |
| 17 | 100109 | NGUYỄN THỊ TUYẾT HOA | 10A1 | |
| 18 | 100111 | NGUYỄN HUY HOÀNG | 10A1 | |
| 19 | 100112 | NGUYỄN PHẠM HUY HOÀNG | 10A2 | |
| 20 | 100114 | THỊ PHẠM MINH HOÀNG | 10A9 | |
| 21 | 100123 | NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG | 10A2 | |
| 22 | 100124 | NGÔ QUỐC HUY | 10A10 | |
| 23 | 100130 | BÙI HUỲNH VĨ HY | 10A1 | |
| 24 | 100136 | HUỲNH NGUYỄN HỮU KHANG | 10A9 | |
| 25 | 100137 | NGUYỄN KHANG | 10A9 | |
| 26 | 100140 | DANH HUỲNH NGÂN KHÁNH | 10A1 | |
| 27 | 100141 | LÊ GIA KHÁNH | 10A10 | |

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN ĐỊA LÝ

KHỐI 10 - PHÒNG 10

| STT | SBD | HỌ VÀ TÊN | LỚP | GHI CHÚ |
|-----|--------|------------------------|-------|---------|
| 1 | 100147 | NGUYỄN HOÀNG KHÔI | 10A10 | |
| 2 | 100149 | NGUYỄN HOÀNG KHÔI | 10A9 | |
| 3 | 100150 | TRẦN NGUYỄN DUY KHÔI | 10A9 | |
| 4 | 100151 | PHẠM THỊ MINH KHUÊ | 10A10 | |
| 5 | 100152 | TRẦN TRUNG KIÊN | 10A10 | |
| 6 | 100156 | LÊ THIÊN KIM | 10A10 | |
| 7 | 100157 | TRẦN GIA KIM | 10A2 | |
| 8 | 100158 | PHẠM NGUYỄN BẢO LAM | 10A1 | |
| 9 | 100161 | NGUYỄN HOÀNG LÂM | 10A1 | |
| 10 | 100162 | DƯƠNG HOÀNG LÂM | 10A2 | |
| 11 | 100165 | NGUYỄN THANH LIÊM | 10A10 | |
| 12 | 100168 | LÊ PHAN KHÁNH LINH | 10A1 | |
| 13 | 100169 | ĐÀO VŨ NGỌC LINH | 10A2 | |
| 14 | 100177 | LÂM NGUYỄN TRƯỜNG LONG | 10A1 | |
| 15 | 100184 | TRẦN THANH MAI | 10A9 | |
| 16 | 100185 | LÂM GIA MÃN | 10A2 | |
| 17 | 100186 | NGUYỄN VĂN MẠNH | 10A10 | |
| 18 | 100187 | HUỖNH LÊ KHÁNH MINH | 10A1 | |
| 19 | 100190 | ĐỖ LÊ HỒNG MINH | 10A9 | |
| 20 | 100191 | TRỊNH NHẬT MY | 10A1 | |
| 21 | 100194 | NGUYỄN THỊ THẢO MY | 10A9 | |
| 22 | 100196 | LÊ PHƯƠNG NAM | 10A10 | |
| 23 | 100197 | NGUYỄN QUỐC NAM | 10A9 | |
| 24 | 100198 | ĐỖ PHƯƠNG NGÂN | 10A1 | |
| 25 | 100199 | LÊ NGỌC KHÁNH NGÂN | 10A1 | |
| 26 | 100200 | THÁI HOÀNG BẢO NGÂN | 10A10 | |
| 27 | 100201 | LÊ NGUYỄN BẢO NGÂN | 10A2 | |

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN ĐỊA LÝ

KHỐI 10 - PHÒNG 11

| STT | SBD | HỌ VÀ TÊN | LỚP | GHI CHÚ |
|-----|--------|-------------------------|-------|---------|
| 1 | 100204 | LƯU ĐIỀN BẢO NGHI | 10A1 | |
| 2 | 100205 | NGUYỄN BẢO NGHI | 10A2 | |
| 3 | 100208 | NGUYỄN QUỐC MINH NGHI | 10A9 | |
| 4 | 100209 | PHAN PHƯƠNG NGHI | 10A9 | |
| 5 | 100211 | LÊ THỊ HỒNG NGỌC | 10A1 | |
| 6 | 100212 | NGUYỄN HOÀNG KHÁNH NGỌC | 10A1 | |
| 7 | 100213 | NGUYỄN MINH NGỌC | 10A1 | |
| 8 | 100214 | TRẦN MINH NGỌC | 10A10 | |
| 9 | 100215 | HUỖNH THANH NGỌC | 10A2 | |
| 10 | 100216 | MAI BẢO NGỌC | 10A2 | |
| 11 | 100217 | NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC | 10A2 | |
| 12 | 100228 | ÂU HUỖNH NGỌC | 10A9 | |
| 13 | 100229 | ĐÀO BẢO NGỌC | 10A9 | |
| 14 | 100230 | LÊ NGUYỄN NHƯ NGỌC | 10A9 | |
| 15 | 100231 | NGUYỄN PHẠM BẢO NGỌC | 10A9 | |
| 16 | 100232 | NGUYỄN THẢO NGUYỄN | 10A1 | |
| 17 | 100233 | DƯƠNG THẢO NGUYỄN | 10A2 | |
| 18 | 100243 | LÊ THÀNH KIM NHÂN | 10A9 | |
| 19 | 100249 | HOÀNG NGUYỄN YẾN NHI | 10A9 | |
| 20 | 100251 | LÊ QUỲNH NHƯ | 10A1 | |
| 21 | 100252 | NGUYỄN QUỲNH NHƯ | 10A1 | |
| 22 | 100253 | NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ | 10A10 | |
| 23 | 100254 | LÊ NGUYỄN HUỖNH NHƯ | 10A2 | |
| 24 | 100257 | TRẦN MINH NHỰT | 10A10 | |
| 25 | 100260 | NGUYỄN HIỆU NGỌC NƯƠNG | 10A9 | |
| 26 | 100261 | NGUYỄN TIẾN PHÁT | 10A2 | |
| 27 | 100267 | TRẦN THẮNG PHÁT | 10A9 | |

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN ĐỊA LÝ

KHỐI 10 - PHÒNG 12

| STT | SBD | HỌ VÀ TÊN | LỚP | GHI CHÚ |
|-----|--------|------------------------|-------|---------|
| 1 | 100268 | LÊ HOÀNG PHÚ | 10A10 | |
| 2 | 100271 | LÊ PHẠM ANH PHÚ | 10A9 | |
| 3 | 100272 | NGUYỄN GIA PHÚC | 10A1 | |
| 4 | 100273 | VÕ HOÀNG PHÚC | 10A2 | |
| 5 | 100278 | LÊ HỒ TRÚC PHƯƠNG | 10A1 | |
| 6 | 100279 | NGUYỄN NGỌC LAN PHƯƠNG | 10A10 | |
| 7 | 100280 | PHÙNG QUẾ PHƯƠNG | 10A2 | |
| 8 | 100284 | BÙI LƯU NHÃ PHƯƠNG | 10A9 | |
| 9 | 100285 | ĐẶNG MAI PHƯƠNG | 10A9 | |
| 10 | 100287 | LÊ HOÀNG QUÂN | 10A1 | |
| 11 | 100295 | PHAN TRẦN TÚ QUYÊN | 10A1 | |
| 12 | 100296 | HUỲNH NGỌC XUÂN QUYÊN | 10A9 | |
| 13 | 100299 | NGUYỄN THỊ DIỆP QUỲNH | 10A9 | |
| 14 | 100300 | ĐẶNG TRƯỜNG SANG | 10A1 | |
| 15 | 100301 | SỬ TRƯỜNG SƠN | 10A2 | |
| 16 | 100303 | MÃ ĐẠI TÀI | 10A1 | |
| 17 | 100304 | HUỲNH NGUYỄN BĂNG TÂM | 10A1 | |
| 18 | 100311 | LÊ QUỐC THẮNG | 10A2 | |
| 19 | 100317 | NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO | 10A2 | |
| 20 | 100319 | LÊ PHƯƠNG THẢO | 10A9 | |
| 21 | 100320 | NGUYỄN NGỌC ANH THI | 10A10 | |
| 22 | 100325 | NGUYỄN LÊ HOÀNG THỊNH | 10A1 | |
| 23 | 100326 | HỒ PHẠM HUNG THỊNH | 10A2 | |
| 24 | 100331 | ĐỖ MINH THƠ | 10A2 | |
| 25 | 100333 | MẠC MINH THỨ | 10A10 | |
| 26 | 100342 | LÂM GIA THUẬN | 10A10 | |
| 27 | 100343 | ĐẶNG HÒA THUẬN | 10A2 | |

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
KIỂM TRA GKI, NĂM HỌC 2023 - 2024

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA MÔN ĐỊA LÝ

KHỐI 10 - PHÒNG 13

| STT | SBD | HỌ VÀ TÊN | LỚP | GHI CHÚ |
|-----|--------|-----------------------|-------|---------|
| 1 | 100345 | HUỖNH CẨM THỦY | 10A10 | |
| 2 | 100346 | LƯU PHAN NGỌC THỦY | 10A2 | |
| 3 | 100347 | LÊ NGỌC HẠ THUYỀN | 10A10 | |
| 4 | 100351 | NGUYỄN ĐẶNG NGỌC TIÊN | 10A9 | |
| 5 | 100352 | VŨ MẠNH TIẾN | 10A2 | |
| 6 | 100355 | ĐINH ĐẶNG HUYỀN TRẦN | 10A1 | |
| 7 | 100356 | LÊ NGUYỄN BẢO TRẦN | 10A2 | |
| 8 | 100357 | LÝ NGỌC TRẦN | 10A2 | |
| 9 | 100362 | NGUYỄN BẢO TRẦN | 10A9 | |
| 10 | 100367 | TRẦN NGỌC THANH TRÚC | 10A1 | |
| 11 | 100368 | ĐẶNG THỊ THANH TRÚC | 10A10 | |
| 12 | 100373 | PHAN ANH TÚ | 10A10 | |
| 13 | 100377 | NGUYỄN THIÊN TƯỜNG | 10A10 | |
| 14 | 100378 | NGUYỄN CÁT TƯỜNG | 10A2 | |
| 15 | 100382 | NGUYỄN THÁI UYÊN | 10A10 | |
| 16 | 100386 | NGUYỄN QUANG VINH | 10A10 | |
| 17 | 100389 | PHAN HOÀNG VŨ | 10A1 | |
| 18 | 100390 | NGUYỄN TRẦN LONG VŨ | 10A2 | |
| 19 | 100392 | LÝ HOÀNG YẾN VY | 10A1 | |
| 20 | 100393 | PHAN THÁI VY | 10A1 | |
| 21 | 100394 | BÙI THẢO VY | 10A10 | |
| 22 | 100395 | HUỖNH THANH VY | 10A2 | |
| 23 | 100403 | VŨ HOÀNG YẾN VY | 10A9 | |
| 24 | 100404 | TRẦN THỊ NHƯ Ý | 10A10 | |
| 25 | 100407 | TRẦN NGỌC NHƯ Ý | 10A9 | |
| 26 | 100408 | LÊ THỊ HỒNG YẾN | 10A10 | |
| 27 | 100410 | HUỖNH NGỌC XUÂN YẾN | 10A9 | |

Ninh Kiều, ngày 26 tháng 10 năm 2023

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Thiên